**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN GIA LÂM**

**TRƯỜNG MẦM NON QUANG TRUNG**

**=====o0o=====**



**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC**

**Lớp : Mẫu giáo bé C1**

**Giáo viên: Dương Thị Lan**

**Lê Thị Thu Hiền**

**NĂM HỌC: 2019-2020**

**MỤC TIÊU GIÁO DỤC KHỐI MẪU GIÁO - NĂM HỌC 2019- 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mẫu giáo Bé** | **Mẫu giáo Nhỡ** | **Mẫu giáo Lớn** |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | |
| ***\* Phát triển vận động*** | | |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |
| 1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | 1.Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | 1.Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | | |
| 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).  - Đi kiễng gót liên tục 3m. | 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. | 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30cm) một đầu kê cao 30cm  - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế TD  - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây |
| 3. Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. | 3. Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc). | 3. Kiểm soát được vận động:  - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) |
| 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng(khoảng cách 2,5 cm)  - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền(đường kính bóng 18cm) | 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m).  - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).  - Tự đập bắt bóng dược 4-5 lần liên tiếp. | 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)  - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m)  - Đi, đập và bắt bóng được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp |
| 5. Thể hiện nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng  - Ném trúng đích ngang(xa 1,5m)  - Bò trong đường hẹp(3m x 0,4m) không chệch ra ngoài | 5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m  trong 10 giây.  - Ném trúng đích ngang (xa 2 m).  - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. | 5.Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây  - Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu |
| **3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | | |
| 6. Thực hiện được các vận động:  - Xoay tròn cổ tay  - Gập, đan ngón tay vào nhau | 6. Thực hiện được các vận động:  - Cuộn - xoay tròn cổ tay  - Gập, mở, các ngón tay, | 6. Thực hiện được các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay  - Gập, mở lần lượt từng ngón tay |
| 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:  - Vẽ được hình tròn theo mẫu  - Cắt thẳng được một đoạn 10cm  - Xếp chồng 8-10 khối không đổ  - Tự cài, cởi cúc. | 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình người, nhà, cây.  - Cắt thành thạo theo đường thẳng.  - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.  - Biết tết sợi đôi.  - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. | 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ  - Xếp chống 12-15 khối theo mẫu  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng, mở phec mơ tuya. |
| ***\* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | | |
| **1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thư­ờng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | | |
| 8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). | 8. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:  - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.  - Rau, quả chín có nhiều vitamin. | 8. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá…  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… |
| 9. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau… | 9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt  có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... | 9. Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo… |
| 10. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | 10.. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | 10. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nước ngọt, nước có ga, ăn đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. |
| **2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | |
| 11.Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:  - Rửa tay, lau mặt, súc miệng.  - Tháo tất, cởi quần, áo ..... | 11.Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. | 11.Thực hiện được một số việc đơn giản.  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rủa mặt, đánh răng  - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch |
| 12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | 12.Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | 12. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ** | | |
| 13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:  uống nước đã đun sôi… | 13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau…  - Không uống nước lã. | 13. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. |
| 14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | 14.Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định. | 14.Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Che miệng khi ho, hắt hơi  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định  - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | |
| 15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếpđang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. | 15. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch | 15. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn |
| 16. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở. | 16. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. | 16. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần |
| 17. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can.  - Không nghịch các vật sắc nhọn.  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | 17.Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. | 17.Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh  - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..  - Biết không tự ý uống thuốc  - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe |
|  | 18. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:  - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | 18.Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
|  |  | 19. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  - Không leo trèo cây, ban công, tường rào… |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | |
| **1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** | | |
| 18. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | 19. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?.... | 20.Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”... |
| 19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | 20. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | 21. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. |
| 20. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | 21. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | 22. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |
| 21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | 22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | 23. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. |
| 22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | 23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | 24. Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |
| **2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** | | |
| 23. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | 24. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn” | 25. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi” |
|  | 25. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | 26. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. |
| **3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | | |
| 24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | 26. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | 27. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| 25. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... như:  - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...  - Hát các bài hát về cây, con vật...  - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. | 27. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như:  -Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên...  - Hát các bài hát về cây, con vật...  - Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình.... cây cối, con vật... | 28. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như:  - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động / di chuyển / dáng điệu các con vật.  - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất...  - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... |
| ***\* Làm quen với toán*** | | |
| **1. Nhận biết số đếm, số lượng** | | |
| 26. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | 28. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... | 29. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “ Bao nhiêu?”; “ Đây là mấy?”… |
| 27. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | 29. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. | 30. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |
| 28. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | 30. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | 31. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất. |
| 29. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. | 31. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | 32. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. |
| 30. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | 32. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. | 33. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau |
|  | 33. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | 34. Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. |
|  | 34. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | 35. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. |
| **2. Sắp xếp theo qui tắc** | | |
| 31.Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | 35.Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại | 36. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. |
|  |  | 37. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. |
|  |  | 38. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. |
| **3. So sánh hai đối tượng** | | |
| 32.So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | 36.Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh | 39.Sử dụng 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. |
| **4. Nhận biết hình dạng** | | |
| 33.Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | 37. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....) | 40.Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật |
|  | 38. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. |  |
| **5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | | |
| 34.Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | 39. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | 41. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. |
|  | 40. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | 42.Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm. |
| ***\* Khám phá xã hội*** | | |
| **1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | |
| 35. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | 41. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | 43. Nói đúng họ,tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |
| 36.Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. | 42. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | 44. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. |
| 37. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình | 43. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. | 45. Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện. |
| 38. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | 44. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | 46. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | 45. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | 47. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | 46. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | 48. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
| **2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | | |
| 39.Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | 47.Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | 49.Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” |
| **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** | | |
| 40. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh. | 48. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh. | 50. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...” |
| 41. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | 49. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | 51. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | |
| **1.Nghe hiểu lời nói** | | |
| 42. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | 50. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | 52. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. |
| 43. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… | 51. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | 53. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) |
| 44. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | 52. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | 54. Lăng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | |
| 45. Nói rõ các tiếng. | 53. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | 55. Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. |
| 46. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | 54. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… | 56. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. |
| 47. Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | 55. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | 57. Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... |
| 48. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. | 56. Kể lại sự việc theo trình tự. | 58. Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật. |
| 49. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | 57. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | 59. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... |
| 50. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | 58. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. | 60. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện. |
| 51. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | 59. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | 61.Đóng được vai của nhân vật trong truyện. |
| 52. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp. | 60. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp. | 62. Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”..phù hợp với tình huống. |
| 53. Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | 61. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | 63. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. |
| **3. Làm quen với việc đọc – viết** | | |
| 54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | 62. Chọn sách để xem. | 64. Chọn sách để “đọc” và xem. |
| 55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | 63. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | 65. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. |
| 56. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | 64. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | 66. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |
|  | 65. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. | 67. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... |
|  | 66. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tầu, thiệp chúc mừng,.. | 68. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt. |
|  |  | 69. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |
| **LĨNH VỰC TC - KNXH** | | |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** | | |
| 57. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | 67. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. | 70. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. |
| 58. Nói được điều bé thích, không thích. | 68. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | 71. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. |
|  |  | 72. Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). |
|  |  | 73. Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình. |
|  |  | 74. Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** | | |
| 59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | 69. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | 75. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) |
| 60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | 70. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | 76. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** | | |
| 61. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | 71. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. | 77 . Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. |
| 62. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | 72. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | 78. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. |
| 63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | 73. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. | 79. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. |
| 64. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | 74. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | 80. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) |
|  | 75. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | 81. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |
|  |  | 82. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. |
| **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | |
| 65. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | 76. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. | 83. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |
| 66. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... | 77. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | 84. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. |
| 67.Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | 78. Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | 85. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. |
| 68.các trò chơi theo nhóm nhỏ | 79. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | 86. Biết chờ đến lượt. |
|  | 80. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). | 87. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. |
|  |  | 88. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) |
| **5. Quan tâm đến môi trường** | | |
| 69. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | 81. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | 89. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc |
| 70. Bỏ rác đúng nơi quy định. | 82. Bỏ rác đúng nơi quy định. | 90. Bỏ rác đúng nơi quy định |
|  | 83. Không bẻ cành, bứt hoa. | 91. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...) |
|  | 84. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | 92. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn. |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) | | |
| 71. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | 85. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | 93. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. |
| 72. Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. | 86. Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. | 94. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. |
| 73. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | 87. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | 95. Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. |
| **2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | | |
| 74. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | 88. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ... | 96. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cẩm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... |
| 75. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ). | 89. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa ). | 97. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). |
| 76. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | 90. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. | 98. Phối hợp và lựa chọn các ngyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |
| 77. Vẽ các nét thẳng, xiên , ngang tạo thành bức tranh đơn giản. | 91. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | 99. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |
| 78. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | 92. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | 100. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |
| 79. đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | 93. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | 101. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. |
| 80. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | 94. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | 102. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |
| 81. Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | 95. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | 103. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** | | |
| 82. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | 96. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | 104.Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích |
| 83. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | 97. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | 105 .Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn |
| 84. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | 98. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | 106. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |
|  | 99. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | 107. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |

**TỔNG HỢP MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ THEO THÁNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| THÁNG | PTVĐ | PTNT | PTNN | PTTCXH | PTTM |
| 9 | 1, 2, 11, 12 | 24, 40, 38 | 42, 45 | 65 | 72, 74 |
| 10 | 3, 14 | 19, 33, 34, 35 | 43, 48,52 | 57, 61, 62 | 81 |
| 11 | 5, 8, 10, 15 | 26, 29, 36, 37 | 44, 53 | 66, 70 | 71 |
| 12 | 6, 9 | 21, 23, 27, 39 | 46, 56 | 58, 59 | 75, 82 |
| 1 | 4 | 20, 22, 30 | 47 | 68, | 76, 77, 83 |
| 2 | 7, 13 | 25, 28 | 49, 50 | 69 | 73, 79 |
| 3 | 17 | 32, 18 | 51, 54 | 60, 67 | 78, 84 |
| 4 | 16 | 31, 41 | 55 | 63, 64 | 80 |

**NỘI DUNG - HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI MẪU GIÁO BÉ**

**NĂM HỌC 2019 - 2020**

**I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục năm học** | **Thời gian thực hiện** | | | | | | | | | **Nội dung hoạt động** |
| **9** | **10** | **11** | **12** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***\* Phát triển vận động*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ***\* Hô hấp****:* Hít vào thở ra sâu  +Thổi bóng bay, thổi nơ bay, gà gáy,tiếng còi tàu tu-tu…  ***\* Tay- vai:***  + Đưa 2 tay ra sau lưng, đưa thẳng tay ra trước, lòng bàn tay ngửa  + Đưa 2 tay lên cao, hạ xuống  + Đưa 2 tay lên cao, nâng lên, hạ xuống  + Đưa 2 tay ra trước xoay cổ tay hoặc vẫy bàn tay  + Chèo thuyền  + Hai tay thay nhau đưa thẳng lên cao  ***\* Lưng, bụng, lườn:***  + Gà mổ thóc  + Gió thổi, cây nghiêng  + Đứng chân rộng bằng vai, hai tay chống hông, quay người sang phải - sang trái  ***\* Chân:***  + Cây cao, cỏ thấp  + Dậm chân tại chỗ hô 1-2;1-2  + Đứng kiễng chân (đứng bằng ngón chân)  + Co duỗi chân  ***\* Bật:***  + Bật tại chỗ.  + Bật chụm tách  + Bật lên trước, lùi lại, sang bên  ***\* Điều hòa:***Tập động tác nhẹ nhàng theo nhạc |
| **1.**Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.  . | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2.** Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động:  - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0.2m)  - Đi kiếng gót liên tục 3m. | x |  |  |  |  |  |  |  |  | ***a, Bài tập đi, chạy***  - Đi kiễng gót liên tục 2m.  - Đi theo hiệu lệnh.  - Đi kiễng gót liên tục 3m  - Đi trong đường đường dích dắc ( 4 điểm)  - Đi trong đường hẹp ( 2,5m x25cm).  - Đi trong đường hẹp mang vật trên tay( 2,5m x25cm).  - Đi trong đường hẹp 3mx0,2m  - Đi thăng bằng trên ghế thể dục.  - Đi trên dây dài 1.5m  - Đi ngang bước dồn  - Chạy liên tục theo hướng thẳng15m.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc.  - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  ***b, Bò, trườn, trèo.***  - Bò bằng bàn tay, bàn chân  - Bò chui qua cổng.  - Bò trong đường hẹp( 2.5mx45cm)  - Bò trong đường hẹp( 3mx40cm)  - Bò trong đường dích dắc.(3 điểm dích dắc 2m).  **-** Bò mang vật trên lưng.  - Bò bằng bàn tay, bàn chân 2.5m.  - Trườn về phía trước 2m.  - Bước lên, xuống bục cao 30cm.  - Trèo lên xuống ghế.  - Trèo lên xuống 3 gióng thang.  ***c, Tung, ném, bắt:***  - Tung bóng lên cao bằng hai tay.  - Tung bóng với cô khoảng cách 2m ( đường kính bóng 18cm).  - Tung bắt bóng với cô khoảng cách 2.5m.  - Tập đập – Bắt bóng với cô.  - Lăn bóng về phía trước 2m. Lăn bóng với cô.  - Lăn bóng và đi theo bóng  - Ném xa bằng 1 tay.  - Ném trúng đích nằm ngang( xa 1,2m)  - Ném trúng đích nằm ngang( xa 1,5m)  - Ném trúng đích thẳng đứng( xa 1,2m x cao1m).  - Ném trúng đích thẳng đứng( xa 1,3m x cao1m).  - Chuyền, bắt bóng hai bên theo hàng ngang  - Chuyền, bắt bóng hai bên theo hàng dọc.  ***d, Nhảy - bật***  - Bật tại chỗ  - Bật qua vạch kẻ  - Bật liên tục về phía trước  - Bật xa 20 cm  - Bật cao 25cm.  **\* Trò chơi vận động:**  - Quả bóng nảy.  - Tín hiệu  - Bắt bướm  - Chó sói xấu tính  - Đuổi bóng. Bóng tròn to.  - Gấu và ong  - Nhảy qua suối nhỏ  - Ô tô và chim sẻ.  - Thỏ tìm chuồng  - Gà trong vườn rau.Người làm vườn.  - Lá và gió. Cò bắt ếch.  - Về đúng Nhà.Gia đình tài giỏ.  - Trời nắng . trời mưa  - Chuyền bóng  - Ếch bắt mồi  - Bật cóc  - Mèo đuổi chuột  - Bác nông dân và chim sẻ  - Ném bóng qua dây  - Hái quả  - Chạy tiếp cờ  - Cáo ơi ngủ à  - Gà vào vườn rau  - Mèo và chim sẻ  - Cáo và thỏ  - Chìm nổi  - Chuyền bóng  - Gập đan các ngón tay vào nhau.  - Xếp chồng các khối khác nhau.  - Xếp hình băng que, hột, hạt....  - Xé, dán giấy, sử dụng kéo bút.  - Kéo khóa, cài mở cúc áo, đong hột hạt  - Luyện cách cầm bút tô, vẽ tranh, tập vò xé, cắt giấy |
| **3.** Kiểm soát được vận động  - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh  - Chạy liên tục trong đường dích dắc(3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.**Phối hợp tay - mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liền không rơi bóng( khoảng cách 2.5m)  - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18 cm) |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **5.** Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng  - Ném trúng đích ngang ( xa 1.5m)  - Bò trong đường hẹp (3m x 0.4m) không chệch ra ngoài |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **6**. Thực hiện được các vận động  - Xoay tròn cổ tay  - Gập, đan ngón tay vào nhau |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **7**. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:  - Vẽ được hình tròn theo mẫu  - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm  - Xếp chồng 8- 10 khối  không đổ  - Tự cài, cởi cúc. |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| ***\**** *Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **-** Trẻ gọi tên các món ăn hàng ngày, tên 4 nhóm thực phẩm  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và chất  - Thơ, truyện: Đôi mắt, Rửa tay, Mẹ đi vắng, Gấu con bị sâu răng, Lợn con sạch lắm rồi.  **-** Trò chuyện về một số thực phẩm quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày của trẻ, lợi ích của việc ăn các món ăn hàng ngày và luyện tập sức khỏe.  - Dạy trẻ nhận biết ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. Lựa chọn những trang phục phù hợp với các mùa trong năm.  - Vẽ dán các món ăn, tô màu các món ăn, nặn: bánh mì, quả chuối….  - Nghe nhạc trước khi ăn, Hát " Giờ ăn đến rồi, Mời bạn ăn"  - Xem tranh ảnh, trò chuyện về các món ăn, làm sách về các món ăn.  - Trò chuyện, rèn các thói quen hành vi văn minh tốt trong ăn uống: khi ăn không nói chuyện, uống nước sau khi ăn, nhặt cơm rơi vãi vào đĩa  **- Trò chơi**: Ai nói nhanh; Bé gọi tên đúng; Bé thích ăn gì? Xây dựng thực đơn cho bé; Người nội trợ giỏi  - TC hiểu ý bạn, chăm sóc em bé  - Bài tập giấy: Gạch tranh; Ai nhanh nhất; Ai tinh mắt để tìm ra hành động đúng, sai, an toàn và không an toàn; Hành động nên, không nên ;An toàn và nguy hiểm; Bé dùng tay nào  **- Thực hành kĩ năng cuộc sống**:  - Rửa tay bằng xà phòng, súc miệng nước muối, tập lau mặt, lau miệng học cách chải răng vào buổi sáng, tối, sắp xếp đồ chơi cùng cô… sử dụng bát thìa đúng cách, ngồi ngay ngắn, xúc cơm gọn gàng, không rơi vãi, lấy nước, uống nước.Biết bê ghế bằng 2 tay. Cất dép, cất ba lô đúng nơi quy định  - Trò chuyện xem tranh ảnh về một số hành vi tốt trong vệ sinh răng miệng, đội mũ khi trời nắng, mặc áo mưa, che ô khi trời mưa, ở trong nhà khi trời mưa to, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học,  - Xem clip về các hành vi ăn uống  - Trò chuyện cùng trẻ về việc cần phải gọi ai, làm gì khi bị chảy máu, bị đau  - Xem tranh ảnh. video  - Trò chuyện , kể chuyện xem clip, tranh ảnh, về các tình huống gây nguy hiểm trong sinh hoạt hàng ngày: tìm hiểu sự nguy hiểm khi lại gần các con vật hung dữ, khi trèo cây cao, không đến gần công trình xây dựng**,** không cười đùa trong khi ăn, sờ vào ổ điện, trơn trượt ở nhà vệ sinh, đồ chơi sắc nhọn, không theo người lạ **....** |
| **8.** Nói tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh ( thịt, cá, trứng, sữa, rau....) |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **9**. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau.... |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **10.** Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **11**.Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:   * Rửa tay, lau mặt, súc miệng. * Tháo tất, cởi quần, áo | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12.** Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách  … | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **13**. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi.... |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| **14**. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **15**. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm( bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **16**. Biết tránh nơi nguy hiểm ( hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi....) khi được nhắc nhở. |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| **17**. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không tự lấy thuốc uống  - Không leo trèo bàn ghế, lan can  - Không nghịch các vật sắc nhọn  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. |  |  |  |  |  |  | x |  |  |

**II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***\* Khám phá khoa học*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **18**. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiên tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng |  |  |  |  |  |  | **x** |  |  | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi ở lớp  - Tìm hiểu về một số bộ phận trên cơ thể;  - Tìm hiểu về các giác quan của bé (Đôi mắt)  - Tìm hiểu bé cần gì lớn lên để khỏe mạnh.  - Tìm hiểu một số món ăn hàng ngày của bé.  - Trò chuyện về ngôi nhà của bé.  - Trò chuyện về những đồ dùng trong gia đình bé; Đồ dùng ăn uống( Bát, thìa, đĩa, cốc); Đồ dùng gia đình; bàn ghế, gường tủ; Đồ dùng cần sử dụng điện...  - Tìm hiểu một số nhu cầu của gia đình, món ăn trong gia đình,...  - Tìm hiểu tên gọi và công dụng một số PTGT đường bộ; Xe đạp, xe máy,ô tô  - Tìm hiểu một số PTGT đường sắt, đường hàng không.  ( Tàu hỏa, máy bay)  - Tìm hiểu một số PTGT đường thủy: Tàu, thuyền  - Tìm hiểu một số luật lệ giao thông đường bộ đơn giản  - Tìm hiểu một số loại quả ( Quả bưởi)  - Tìm hiểu một số loài hoa ( Hoa cúc, hoa hồng, hoa đồng tiền)  - Tìm hiểu một số loại cây  - Tìm hiểu một số loại rau ( Rau ăn lá, củ, quả )  - Tìm hiểu một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm/ gia súc): Con gà, con vịt, Con mèo. con chó, con lợn  - Tìm hiểu một số con vật sống dưới nước (Cá , tôm , cua, rùa, ba ba...)  - Tìm hiểu một số con vật sống trong rừng( con hổ, con khỉ, con voi...)  - Tìm hiểu một số loại côn trùng ( Con ong, con muỗi...)  - Tìm hiểu một số loại chim : chim bồ câu,..  - Tìm hiểu về sự cần thiết của nước đối với đời sống  con người  - Tìm hiểu về một số nguồn nước; Sự kì diệu của nước  - Trò chuyện với trẻ về gió  - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.  - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm  - Tìm hiểu về mùa hè  - Tìm hiểu về 1 số hiện tượng tự nhiên.  - Cho trẻ quan sát các hiện tượng thời tiết, cảnh vật ở địa phương. |
| **19**. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ....để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **20**. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tim hiểu đối tượng,  Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **21**. Thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **22.** Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **23.**Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **24**. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **25**.Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... như:  - Chơi đóng vai  (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh....)  - Hát các bài hát về cây cối, con vật...  - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| ***\* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | \* Hoạt động học:  - Dạy trẻ tạo nhóm theo 1 dấu hiệu  - Dạy trẻ nhận biết , phân biệt nhóm có 1 và nhóm có nhiều  - Dạy trẻ xác định các phía trên –dưới, trước – sau của trẻ  - Dạy trẻ xác định tay phải, tay trái của bản thân  - Dạy trẻ kỹ năng ghép tương ứng 1:1  - Dạy trẻ nhận biết hình tròn – hình vuông theo mẫu và tên gọi  - Dạy trẻ nhận biết hình tam giác – hình chữ nhật theo mẫu và tên gọi  - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ nhiều hơn – ít hơn bằng kỹ năng ghép đôi.  - Dạy trẻ nhận biết sự khác nhau rõ nét về độ lớn của 2 đối tượng: So sánh kích thước 2 đối tượng :To hơn – nhỏ hơn  - Dạy trẻ nhận biết sự khác nhau rõ nét về độ dài của 2 đối tượng: So sánh kích thước 2 đối tượng :dài hơn – ngắn hơn  - Dạy trẻ nhận biết sự khác nhau rõ nét về chiều cao của 2 đối tượng :So sánh kích thước 2 đối tượng :cao hơn – thấp hơn  - Đếm đến 2. Nhận biết nhóm có số lượng 2.  - Đếm đến 3. Nhận biết nhóm có số lượng 3  - Đếm đến 4 .Nhận biết nhóm có số lượng 4  - Đếm đến 5.Nhận biết nhóm có số lượng 5  - Tách gộp nhóm có số lượng 3  - Tách gộp nhóm có số lượng 4  - Tách gộp nhóm có số lượng 5  - Sắp xếp theo quy tắc hoa- quả  - Sắp xếp theo quy tắc 1-2  \* Hoạt động khác:  - Tập cho trẻ gọi tên, phân biệt đồ dùng đồ chơi theo màu sắc kích thước, công dụng., hình dạng.  - Làm quen với các đồ dùng đồ chơi có dạng hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.  - Tìm và nhận xét ở xung quanh trường lớp, đồ dùng, đồ chơi nào có một cái, có nhiều cái.  - Tạo nhóm đồ vật theo chủng loại, màu sắc, công dụng.  - Tạo tình huống để trẻ phân biệt phía trên, dưới; trước sau của bản thân..  - Luyện tập phân biệt tay phải, tay trái trong cuộc sống hàng ngày.  - Ôn xác kể tên các bộ phận trên cơ thể và chức năng của mỗi tay  - Thực hành nhận biết, phân biệt tay phải-tay trái, phía trên- phía dưới,đằng trước, đằng sau đối với cơ thể bé.  - Tìm và xếp các đồ vât có đôi, chọn- nối nhóm đối tượng 1 tương úng với nhóm đối tượng 2  - Cho trẻ làm quen với 1 số hình quen thuộc, nhận ra hình dạng các đối tượng trong tranh/công trình được ghép từ các hình học  - Tổ chức các trò chơi nối hình với đối tượng/ bộ phận của đối tượng có hình dạng..  - Tìm các vật/ 1 bộ phận của vật ở xung quanh có dạng giống hình đã học  - Luyện đếm cho trẻ mọi lúc mọi nơi, thông qua các hoạt động  - Cho trẻ xếp kề, xếp cạnh trên mặt phẳng, xếp chồng...để nhận ra MQH giữa chúng và nói được MQH đó.  - Sử dụng những thứ gần gũi trong cuộc sống giúp trẻ so sánh , nhận ra MQH dài hơn – ngắn hơn,cao hơn- thấp hơn; to hơn –nhỏ hơn  - Đưa ra 2-3 cặp, mỗi cặp có 1 nhóm đối tượng và 1 nhóm có nhiều đối tượng, trẻ nhận xét  - Cho gộp nhiều nhóm đối tượng riêng rẽ thành 1 nhóm có nhiều đối tượng, chia / tách nhóm lớn riêng từng đối tượng để được 1.  - Đọc các số trên các đối tượng gần gũi  - Làm vở nhận biết và LQVT  -Tạo tình huống, tạo môi trường cho trẻ tạo QTSX đa dạng phong phú từ vật thật, cho trẻ quan sát trong thực tế cuộc sống quy tắc xếp  - Chơi trò chơi: Ai nhanh hơn, Thi nói nhanh, Chuông reo ở đâu, Tay phải, tay trái của bé, Thi xem đội nào nhanh Ai nhanh hơn, Thi xem đội nào nhanh, Tìm nhà... |
| **26**. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **27**. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **28**. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 băng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| **29**.Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **30.**Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **31.**Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| **32**..So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| **33.**Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **34.**Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| ***\* Khám phá xã hội*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | - Tìm hiểu về trường mầm non; Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo; Một số công việc của các cô, các bác trong trường mầm non.  - Tìm hiểu về lớp học của bé. Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường..  - Cho trẻ quan sát , trò chuyện, giúp đỡ bác cấp dưỡng, bác lao công, bác bảo vệ.  - Tìm hiểu về một số đặc điểm cá nhân của trẻ (Tên, tuổi, giới tính); Trò chuyện về bé và các bạn.  - Tìm hiểu về ngày Tết trung thu: Bé vui Tết trung thu.  - Tìm hiểu về trang phục của bé. (Trang phục theo mùa).  - Tìm hiểu về các thành viên trong gia đình bé: Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình ( Mẹ yêu của bé),địa chỉ gia đình  - Trò chuyện với trẻ về công việc của mình, công việc của bố mẹ trong gia đình, tên bố mẹ, địa chỉ gia đình trẻ.  - Trò chuyện với trẻ về ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (Tìm hiểu về chiếc nón lá)  - Trò chuyện về ngày nhà giáo Việt nam 20/11  - Tìm hiểu về nghề nghiệp của bố mẹ ( thợ may, giáo viên, bộ đội...)  - Trò chuyện về ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12  - Tìm hiểu một số nghề phổ biến của địa phương (Nghề nông;Bác nông dân; Sản phẩm của nghề nông )  - Trò chuyện tìm hiểu về ngày Tết cổ truyền Việt Nam ( Tết Nguyên Đán)  - Tìm hiểu, trò chuyện về ngày Quốc tế phụ nữ 8/3  - Tìm hiểu món ăn mùa hè, trang phục mùa hè  - Bác Hồ kính yêu.  - Cho trẻ chơi trò chơi phân vai theo chủ đề “Cô giáo, mẹ con, bác sỹ.......”  - Cho trẻ xem tranh ảnh, hát, đọc thơ, nghe kể chuyện về  Bác Hồ.  - Tìm hiểu về thủ đô Hà Nội, Lá cờ tổ quốc  - Xem tranh ảnh, nói chuyện về Bác Hồ. |
| **35**. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **36**. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **37**. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh vầ gia đình |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **38**. Nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **39**- Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng....khi được hỏi, xem tranh.... |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **40**.. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu.... trò chuyện, tranh ảnh. | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **41**.Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh của địa phương |  |  |  |  |  |  |  | x |  |

**III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục năm học** | **Thời gian thực hiện** | | | | | | | | | **Nội dung hoạt động** |
| **9** | **10** | **11** | **12** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **42**. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | x |  |  |  |  |  |  |  |  | ***Thơ:***  **-** Bé yêu trăng, Thỏ con và mặt trăng; Trung thu của bé.  - Bàn tay cô giáo, Xòe tay, Cô dạy  - Bé đọc sách; Cô giáo của con;  - Đôi mắt của em; Cái lưỡi; Đi nắng  - Đông hồ quả lắc; Bé và mèo.  - Chiếc quạt nan;Chia phần  - Thăm nhà bà; Chiếc quạt nan ; Quạt cho bà ngủ  - Mẹ và bé, Tập gấp máy bay  - Bé chẳng sợ tiêm; Xe chữa cháy,  - Em làm thợ xây. Làm nghề như bố, Các cô thợ, Chiếc cầu mới  - Kể cho bé nghe  - Cây dây leo; Cây hồng,  - Đèn đỏ đèn xanh;Đèn giao thông, Xe chữa cháy, Xe đổ rác; Gấu qua cầu, Cây đào  - Quả, Củ cà rốt; Hoa kết trái; Bắp cải xanh, Hồ sen  - Dán hoa tặng mẹ  - Đàn gà con; Rong và cá; Ong và bướm,Con kiến  - Gấu qua cầu; Hươu cao cổ  - Bé tập nói; Sáo học nói  - Cầu vồng, Bác Hồ của em , Nắng bốn mùa  -Chú bộ đội hải quân  ***Truyện:***  - Gà Tơ đi học, mèo Hoa đi học , Bác voi tốt bụng  - Cậu bé mũi dài,  - Đôi bạn tốt.  - Gấu con bị đau răng ; Mỗi người một việc.  - Bông hoa cúc trắng, Gà Ttrống và Vịt Bầu ; Chú vịt xám  - Quà tặng mẹ, Tích Chu  - Cây rau của thỏ Út, Gà trống choai và hạt đậu  - Chiếc ấm sành nở hoa  - Nhổ củ cải, Một bó hoa tươi thắm,Sự tích cây hoa hồng  - Hoa mào gà.Gấu con bị đau răng  - Xe lu và xe ca, Kiến con đi ô tô, Qua đường, xe đạp con trên đường phố  - Tắc kè dạo chơi.  - Chú đỗ con.  - Ba chú lợn nhỏ  - Chú thỏ tinh khôn; Đôi tai dài  - Một cuộc đua tài,  - Bác gấu đen và hai chú thỏ.  - Quả trứng bị lạc.  - Rùa con tìm nhà, Giọng hót chim sơn ca  - Giọt nước tí xíu, Nàng tiên mưa, Chú bé giọt nước, Hồ nước và cô Mây, Cái Hồ nhỏ  - Ai khen sẽ được thưởng  **\* Các hoạt động khác:**  - Đồng dao, ca dao, trò chơi dân gian: Mèo đuổi chuột, cưỡi ngựa nhong nhong, trồng nụ trồng hoa, dung dăngung dẻ, đi cầu đi quán, lộn cầu vồng, tay đẹp, rềnh rềnh ràng ràng...  - Trò chơi luyện phát âm, khả năng nghe hiểu cho bé:  Nói theo cô, bạn nào nói đúng, nói cho bạn nghe...  - Trò chơi: Truyền tin, bắt chước giống tôi,ai nhanh nhất...  - Bài tập giấy: Vẽ các tranh ảnh bé thích  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau  + Cầm sách đúng chiều,mở sách , xem tranh và " đọc" truyện  + Phân biệt mở đầu , kết thúc của sách  + Dạy trẻ biết giữ gìn, bảo vệ sách  - Trò chuyện về các hoạt động các sự kiện: Khai giảng, 20-10; 20-11, Noel; ngày 8-3; ngày Hội Gióng; ngày sinh nhật Bác Hồ  - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.  - Dạy trẻ có tư thế ngồi, cách cầm bút để tô vẽ các nét đơn giản  - Dạy trẻ chú ý lắng nghe khi người khác nói,dạy trẻ cách đặt câu hỏi :  + Đố bé bạn nào đây.  + Bé yêu ai?  + Đây là ai? Cái gì? - Bé gọi tên búp bê.  + Bé thích gì? Tại sao?  - Hoạt động đọc sách  - Ngày hội sách  - Bé làm sách, bộ sưu tập của bé, kể chuyện theo tranh, kể chuyện sáng tạo,  Làm quen với một số ký hiệu thông thư­ờng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra. biển báo giao thông, đèn tin hiệu...) |
| **43**. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **44**. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **45**. Nói rõ các tiếng. | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **46**. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **47**. Sử dụng được câu đơn, câu ghép. |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **48**. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **49**. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| **50**. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| **51**. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| **52**. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp. |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| ***53.*** Nói đủ nghe, không nói lí nhí. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách, xem tranh. |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 55.. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tran |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 56. Thích vẽ, " viết" nguệch ngoạc. |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV.PHÁT TRIỂN TCQHXH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục năm học** | **Thời gian thực hiện** | | | | | | | | | | | **Nội dung hoạt động** |
| **9** | **10** | **11** | **12** | **1** | **2** | **3** | | **4** | | **5** |
| **57**. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. |  | x |  |  |  |  |  |  | |  | | 1.Phát triển tình cảm:  ***- Giáo dục trẻ ý thức về bản thân***  + Album ảnh của lớp  + Đây là tôi  + Tên tôi là gì?  + Tôi thích gì?  + Giúp búp bê mặc quần áo  + Nào cùng giúp búp bê  + Lựa chọn quần áo cho phù hợp  ***- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người , sự vật hiện tượng xung quanh***  + Gia đình hạnh phúc  + Bé vui hay buồn  + Người bạn mới  + Trang phục của tôi, của bạn  ***- Giáo dục tình cảm đối với quê hương, đất nước.***  ***Bác Hồ***  + Bé vui đón Tết  + Bé du lịch qua màn ảnh nhỏ  + Kể chuyện Khen các cháu  + Thơ Ảnh Bác  + Xem tranh ảnh về Bác Hồ  + Bày cỗ Trung Thu  **2. Phát triển kĩ năng xã hội**  ***- Giáo dục hành vi và quy tắc ứng xử xã hội***  + Trò chơi: Khách đến chơi nhà  + Trò chơi: Đèn xanh, đèn đỏ  + Xin phép được chơi đồ chơi của bạn  + Giải quyết tình huống khi có xung đột  + Nào chúng ta cùng đi thăm quan  + Chúng ta nên làm gì khi...  + Những bức tranh chỉ dẫn nguy hiểm  + Trò chuyện với trẻ về sự an toàn  - Dạy trẻ cách phòng chống xâm hại, nhận biết và tránh xa người lạ…  ***- Giáo dục trẻ quan tâm bảo vệ môi trường***  + Hoạt động: Chăm sóc cây cảnh  + Chúng ta hãy thu dọn đồ chơi  + Thơ: Không vứt rác ra đường.  **3.Hoạt động khác**  - Vui tết trung thu  - Trường mầm non Quang Trung  - Những người bạn mới  - Các cô bác trong trường  - Bạn có biết tên tôi? Bé và bạn  - Sự an toàn của bé. Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh  - Ước mơ của bé  - Bé vui đón tết  - Xem tranh ảnh về Bác Hồ  - Bé đi du lịch  - Soi gương: Nói hình dáng bên ngoài của bản thân |
| **58.** Nói được điều bé thích, không thích. |  |  |  | x |  |  |  |  | |  | |
| **59.** Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. |  |  |  | x |  |  |  |  | |  | |
| **60.**. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) |  |  |  |  |  |  | x |  | |  | |
| **61**. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh |  | **x** |  |  |  |  |  |  | |  | |
| **62.**Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. |  | x |  |  |  |  |  |  | |  | |
| **63**. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ |  |  |  |  |  |  |  | x | |  | |
| **64**. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. |  |  |  |  |  |  |  | x | |  | |
| **65.** Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ | x |  |  |  |  |  |  |  | |  | |
| **66.** Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở |  |  | x |  |  |  |  |  | |  | |
| **67**. Chú ý nghe khi cô, bạn nói |  |  |  |  |  |  | x |  | |  | |
| **68.** Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ |  |  |  |  | x |  |  |  | |  | |
| **69.** Thích quan sát cảnh vật tự nhiên và chăm sóc cây |  |  |  |  |  | **x** |  |  | |  | |
| **70**.Bỏ rác đúng nơi quy định |  |  | **x** |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |

**V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục năm học** | **Thời gian thực hiện** | | | | | | | | | | **Nội dung hoạt động** |
| **9** | **10** | | **11** | **12** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **71**. Vui sướng, vỗ tay, nói ên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | **x** | |  |  |  |  |  |  |  |  | **ÂM NHẠC:**  ***\* Hát, vận động*:**  - Trường chúng cháu là trường mầm non; Cháu đi mẫu giáo; Vui đến trường  - Rước đèn dưới ánh trăng.  - Cô và mẹ; Tập đếm, Mừng sinh nhật, Hoa bé ngoan  - Tay thơm tay ngoan; Xòe bàn tay, Năm ngón tay  - Cái mũi; Chơi ngón tay  - Rửa mặt như mèo  - Cháu yêu bà. Múa cho mẹ xem; Cô và mẹ; Chiếc khăn tay;  - Nhà của tôi; Cả nhà thương nhau; Mẹ ơi có biết  - Cô giáo. Biết vâng lời mẹ  - Cháu yêu cô thợ dệt. Cháu yêu cô chú công nhân, Đội kèn tí hon, Em tập lái ô tô, Cháu thương chú bộ đội, Chú bộ đội  - Làm chú bộ đội  - Đường em đi; Em tập lái ô tô; Đoàn tàu nhỏ xíu, Đi đường em nhớ, Em đi qua ngã tư đường phố, Đèn xanh đèn đỏ  - Lý cây xanh; Màu hoa. trồng cây, Em yêu cây xanh  - Sắp đến tết rồi  - Quả; Cây bắp cải  - Đàn vịt con; Ai cũng yêu chú mèo; Đàn gà con, Gà trống ,mèo con và cún con, Con chim non,Quà 8-3, Con voi  - Con gà trống ,Cá vàng bơi, Con chuồn chuồn, Thật là hay  - Mùa hè đến; Cho tôi đi làm mưa với, Nắng sớm  - Xòe hoa, Hòa bình cho bé  - Em mơ gặp bác Hồ  ***\* Nghe hát***  - Năm ngón tay ngoan. Ngày đầu tiên đi học, Cô giáo  - Anh tý sún.Gia đình gấu; Cho con  - Khám tay; Mời bạn ăn  - Bạn tay mẹ; Chỉ có một trên đời  - Cô giáo,Cho con; Một gia đình nhỏ-một hạnh phúc to; Nhà mình rất vui; Ba ngọn nến lung linh  - Cô giáo miền xuôi, Ru em, Khúc hát ru của người mẹ trẻ  - Cháu yêu chú bộ đội; Bác đưa thư vui tính, Anh phi công ơi  - Lớn lên cháu lái máy cày.. Nhớ lời cô dặn  - Đi cấy, Lớn lên cháu lái máy cày, Ước mơ xanh - Mùa xuân ơi; Cùng múa hát mừng xuân  - Anh nông dân và cây rau  - Chú mèo con, Con chuồn chuồn  - Đường và chân, Anh phi công ơi, Em đi chơi thuyền, Những con đường em yêu, Ngày Tết quê em  - Cho tôi đi làm mưa với ; Nắng sớm  - Lý cây đa, Cây trúc xinh  - Gà gáy le te; Đàn gà con, Con chim vành khuyên, Đố bạn, Bác kim thang  - Hoa thơm bướm lượn ; Lí con sáo, Em như chim bồ câu trắng  - Mưa rơi; Bé đoán thật tài.  - Tia nắng hạt mưa, Những bông hoa trong vườn Bác, Khúc ca bốn mùa ,Em mơ gặp Bác Hồ,Inh lả ơi, Bác Hồ người cho em tất cả  ***\* Trò chơi âm nhạc***  - Ai nhanh nhất; Tai ai tinh  - Hãy lắng nghe: Nghe tiết tấu tìm đồ vật  - Bắt chước, tạo dáng; Tiếng con gì kêu  - Nghe giai điệu đoán tên bài hát  - Tiếng hát ở đâu  ***\* Hoạt động khác:***  - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc.  - Luyện kỹ năng biểu diễn; Giao lưu âm nhạc.  - Nghe giai điệu của các bản nhạc, các âm thanh trong cuộc sống: Tiếng mưa, tiếng nước chảy, tiếng suối chảy…., nghe lồng nhạc để khơi gợi cảm xúc  - Nghe các bài hát, bản nhạc, văn nghệ biểu diễn, hoạt động ngoại khóa theo các chủ đề liên quan đến sự kiện trong tháng  - Dạy trẻ nhận biết và ứng dụng một số dụng cụ âm nhạc.  - Dạy trẻ một số hình thức mới : Hát CaNong ( hát đuổi), hát Acapenla,...  .( Tùy theo nhân thức, khả năng của trẻ cô hướng dẫn trẻ phù hợp).  **\* TẠO HÌNH**  ***+ Dạy trẻ các kỹ năng***  - Bé chơi với đất nặn  - Tô màu đèn ông sao  - Dán những chấm tròn trên băng giấy  - Tô màu trang phục bạn trai,bạn gái  - Tô nét, tô màu bạn gái.  - Tô màu đồ chơi của bé  - Cắt dán trang phục mà bé thích  - Tô màu những món ăn mà bé thích  - Dán ngôi nhà  - Tô nét con đường  - Dán hoa tặng cô nhân ngày 20/11  - Tô màu bức tranh gia đình bé  - Tô màu những đồ dùng mà nhà bé có  - Xé vụn giấy và trang trí đèn ngủ  - Vẽ theo nét chấm mờ và tô màu chiếc máy ảnh  - Vẽ những cuộn len màu  - Xé, dán trang trí chiếc mũ  - Tô màu trang phục chú bộ đội  - Tô màu bức tranh bác nông dân  - In ngón tay tạo hình pháo hoa.  - Tô nét, tô màu nải chuối  - Vẽ cỏ, cây trên mặt đất  - Dán bộ phận còn thiếu của tàu hỏa  - Tô nét, tô màu xe đạp  - Xé dán con thuyền  - Tô nét, tô màu quả táo  - Tô nét, tô màu chùm nho.  - Tô màu bác thợ may, cô ca sĩ  - Dán hoa trang trí bưu thiếp nhân ngày 8/3  - Vẽ gà con  - Vẽ bộ lông con cừu  - Vẽ thêm những bộ phận còn thiếu của con voi  - Nặn con con vật bé thích  - Vẽ con cá( cua)  - Vẽ con ếch  - Vẽ mưa và tô màu cái ô  - Xé, dán trang phục chú hề.  - Vẽ ông mặt trời  - Tô màu lá cờ Việt Nam  - Tô màu bức tranh lăng Bác Hồ  - Tô nét con đường  - Dán hoa tặng mẹ  - Xé dán mắt dứa  - Dạy trẻ vẽ tranh sáng tạo bằng các nguyên vật liệu...  ***+ Hoạt động khác****:*  - Làm quen với bút sáp và giấy màu, làm quen với cách cầm bút, vẽ trên không, vẽ trên cát, vẽ trên sân trường, xem tranh ảnh,....  - Nặn bánh mì, nặn củ cà rốt, nặn một số các loại củ quả : Cam, táo, nho, quýt, dưa chuột,…  - Tổ chức các hoạt động tạo hình: vẽ, nặn, xé dán theo chủ đề sự kiện trong tháng. Dán con lật đật , dán hoa.  - In làm đồ chơi, in bàn tay tạo hình con vật, tạo phong cảnh thiên nhiên, làm đồ chơi từ lõi giấy vệ sinh, vỏ hộp sữa chua, hộp sữa |
| **72.** Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. | **x** | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **73**. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật ( về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. |  | |  |  |  |  | **x** |  |  |  |
| **74.**. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc | **x** | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **75.** Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc ( vỗ tay theo phách, nhip, vận động minh họa). |  | |  |  | **x** |  |  |  |  |  |
| **76.** Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. |  | |  |  |  | **x** |  |  |  |  |
| **77.** Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. |  | |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **78.**. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản |  | |  |  |  |  |  | x |  |  |
| **79**. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. |  | |  |  |  |  | x |  |  |  |
| **80.**. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản |  | |  |  |  |  |  |  | x |  |
| **81.** Nhận xét các sản phẩm tạo hình. |  | | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 82. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. |  | |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 83. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |  | |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 84. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |  | |  |  |  | x |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN NĂM HỌC 2019 – 2020**

**KHỐI MẪU GIÁO BÉ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Tuần 1** | **Tuần 2** | **Tuần 3** | **Tuần 4** | **Tuần 5** |
| **9** | Rèn nề nếp  (3/9 - 6/9/2019) | ***Tết trung thu***  (9/9 - 13 / 9/ 2019) | Trường mầm non  (16/9 - 21/9/2019) | Lớp học của bé  (23/9 - 27/9/ 2019) |  |
| **10** | Bé giới thiệu về mình  (30/9 - 4/ 10/ 2019) | Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh  (7/10 -11/10/2019) | ***Ngày phụ nữ Việt Nam***  (14/10 -18/10/2019) | Một số các giác quan  (21/10 - 25/10/2019) | Sinh nhật của bé  (28/10 -1/11/2019) |
| **11** | Gia đình bé  (4/11 - 8/11/2019) | Ngôi nhà thân yêu của bé  (11/11- 15/11/ 2019) | ***Ngày hội của cô giáo***  (18/11 – 22/11/ 2019) | Đồ dùng trong gia đình  (25/11- 29/11/2019) |  |
| **12** | Nghề nghiệp của bố mẹ  (2/12 - 6/ 12/ 2019) | Nghề thợ may  (9/12- 13/ 12/ 2019) | ***Chú bộ đội thân yêu***  (16/12- 20/12/2019) | Nghề truyền thống của địa phương  (23/12 -27/ 12/ 2019) |  |
| **1** | PTGT đường bộ, đường sắt  (30/12/2019 - 3/1/2020) | PTGT đường hàng không  (6/1 - 10/ 1/ 202020) | PTGT đường thuỷ  (13/1 - 17/ 1/ 2020) | Một số luật lệ giao thông  (20/1 - 24/ 1/2020) | ***Nghỉ Tết***  (27/1- 31/1/2020) |
| **2** | Một số loại hoa  (3/2 - 7/2/2020) | Một số loại quả  (10/2 - 14/2/2020) | Một số loại rau  (17/2 - 21/2/ 2020) | Một số loại cây  (24/2 - 28/2/2020) |  |
| **3** | ***Ngày hội của bà mẹ và cô giáo***  (2/3 - 6 /3/ 2020) | Động vật nuôi trong gia đình (Gia cầm)  (9/3 - 13/ 3/ 2020) | Động vật nuôi trong gia đình( Gia súc)  (16/3 - 20/ 3/ 2020) | Động vật sống trong rừng  (23/3 - 27/ 3/ 2020) |  |
| **4** | Một số con vật sống dưới nước  (30/4 - 3/ 4/ 2020) | Một số loài vật biết bay  (6/4 - 10/4/ 2020) | Một số con côn trùng  (13/4 - 17/4/2020) | Một số nguồn nước  (20/4 -24/4/ 2020) | Sự kì diệu của nước  (27/4 -1/5/ 2020) |
| **5** | Các hiện tượng tự nhiên  (4/5 - 8/5/2020) | ***Bác Hồ kính yêu***  (11/5 - 15/ 5/ 2020) | Ôn tập  (18/5 -22 /5/2020) | Ôn tập  (25/5- 29/5/2020) |  |